

Số: ~~MT~~ /QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách trúng tuyển
kỳ tuyển dụng công chức Bộ Tài chính năm 2026**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính (sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 22/2025/TT-BNV ngày 19/10/2025 của Bộ Nội vụ về Ban hành Nội quy và Quy chế thi tuyển, xét tuyển công chức;

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-BTC ngày 12/01/2026 của Bộ Tài chính phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng công chức Bộ Tài chính năm 2026 theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số ~~MT~~ /QĐ-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phê duyệt kết quả thi vấn đáp kỳ tuyển dụng công chức Bộ Tài chính năm 2026;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển dụng công chức Bộ Tài chính năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách trúng tuyển kỳ tuyển dụng công chức Bộ Tài chính năm 2026 đối với 35 thí sinh theo danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng công chức Bộ Tài chính năm 2026, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Thủ trưởng đơn vị có liên quan và cá nhân có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Hội đồng tuyển dụng CCBTC2026;
- Cục CNTT&CĐS (để đăng tải trên Cổng TTĐT Bộ Tài chính);
- Lưu: VT, TCCB (10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Bích Ngọc

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC BỘ TÀI CHÍNH NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1171/QĐ-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ Tài chính)

STT	Họ và đệm	Tên	Thông tin chung						Thông tin đơn vị đăng ký dự tuyển		Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm vấn đáp	Tổng điểm xét tuyển	Trúng tuyển	
			Ngày, tháng năm sinh						Quê quán (xã, tỉnh)	Đơn vị dự tuyển						Vị trí dự tuyển
			Nam			Nữ										
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm								
1	Nguyễn Ngọc	Bích				17	9	2003	Quốc Oai, Hà Nội	Vụ Ngân sách Nhà nước	Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách		NSNN02	79	79	Trúng tuyển
2	Nguyễn Quang	Tùng	31	10	2003				Thanh Hà, Hải Phòng	Vụ Ngân sách Nhà nước	Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách		NSNN03	62	62	Trúng tuyển
3	Phạm Đức	Anh	5	7	2003				Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Vụ Ngân sách Nhà nước	Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách		NSNN04	59	59	Trúng tuyển
4	Dương Phương	Nhung				16	11	2003	Vĩnh Phúc, Phú Thọ	Vụ Tài chính - Kinh tế ngành	Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách		KTN06	55	55	Trúng tuyển
5	Đào Ngọc Uyên	Trang				23	6	2002	Hung Nguyên Nam, Nghệ An	Vụ Tài chính - Kinh tế ngành	Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách		KTN12	52	52	Trúng tuyển
6	Nguyễn Minh	An				18	3	2002	Xã Trường Văn, Thanh Hóa	Vụ Tài chính - kinh tế ngành	Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách		KTN13	60	60	Trúng tuyển

STT	Họ và đệm	Tên	Thông tin chung						Thông tin đơn vị đăng ký dự tuyển		Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm vấn đáp	Tổng điểm xét tuyển	Trúng tuyển	
			Ngày, tháng năm sinh						Quê quán (xã, tỉnh)	Đơn vị dự tuyển						Vị trí dự tuyển
			Nam			Nữ										
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm								
7	Vũ Ngọc	Tùng	29	7	2003				Vĩnh Phúc, Phú Thọ	Vụ Tài chính - Kinh tế ngành	Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách		KTN14	75	75	Trúng tuyển
8	Đỗ Ánh	Trang				22	2	2001	Vĩnh Thanh, Hà Nội	Vụ các định chế tài chính	Chuyên viên về định chế tài chính		ĐCTC02	70	70	Trúng tuyển
9	Đoàn Khánh	Linh				15	4	2003	Cát Hải, Hải Phòng	Vụ Các định chế tài chính	Chuyên viên về định chế tài chính		ĐCTC05	60	60	Trúng tuyển
10	Trần Ngọc	Mai				5	3	2003	Nam Sách, Hải Phòng	Vụ Pháp chế	Chuyên viên về pháp chế		PC01	70	70	Trúng tuyển
11	Nguyễn Văn	Anh				8	1	2000	Hội Thịnh, Phú Thọ	Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại	Chuyên viên về quản lý nợ và kinh tế đối ngoại		QLN06	79	79	Trúng tuyển
12	Tạ Khuông	Trung	23	1	2002				An Khánh, Hà Nội	Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại	Chuyên viên về quản lý nợ và kinh tế đối ngoại		QLN16	91	91	Trúng tuyển
13	Nguyễn Lâm	Phuong				12	8	2004	Xuân Cẩm, Bắc Ninh	Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại	Chuyên viên về quản lý nợ và kinh tế đối ngoại		QLN17	88	88	Trúng tuyển

STT	Họ và đệm	Tên	Thông tin chung						Thông tin đơn vị đăng ký dự tuyển		Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm vấn đáp	Tổng điểm xét tuyển	Trúng tuyển	
			Ngày, tháng năm sinh						Quê quán (xã, tỉnh)	Đơn vị dự tuyển						Vị trí dự tuyển
			Nam			Nữ										
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm								
14	Bùi Hương	Thảo				16	2	2003	Yên Mỹ, Hưng Yên	Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại	Chuyên viên về quản lý nợ và kinh tế đối ngoại		QLN19	86	86	Trúng tuyển
15	Trịnh Ngọc	Minh	6	7	2002				Hoàng Lộc, Thanh Hóa	Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại	Chuyên viên về quản lý nợ và kinh tế đối ngoại		QLN20	84	84	Trúng tuyển
16	Lê Thùy	Linh				10	4	2003	Đức Quang, Hà Tĩnh	Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại	Chuyên viên về quản lý nợ và kinh tế đối ngoại		QLN21	87	87	Trúng tuyển
17	Nguyễn Yến	Nhi				7	4	2003	Đức Châu, Nghệ An	Cục Quản lý đầu thầu	Chuyên viên về quản lý đầu thầu		QLĐT01	77.5	77.5	Trúng tuyển
18	Tạ Ngọc	Trâm				31	10	2000	Sơn Nam, Hưng Yên	Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí	Chuyên viên về quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí		CST03	69	69	Trúng tuyển
19	Trần Khánh	Linh				18	7	2003	Hồng Bàng Hải Phòng	Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí	Chuyên viên về quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí		CST06	69	69	Trúng tuyển
20	Dương Thị Mai	Dung				21	12	2003	Tây Mỗ, Hà Nội	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm	Chuyên viên về quản lý, giám sát bảo hiểm		QLBH01	77.5	77.5	Trúng tuyển

STT	Họ và đệm	Tên	Thông tin chung						Thông tin đơn vị đăng ký dự tuyển		Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm vấn đáp	Tổng điểm xét tuyển	Trúng tuyển	
			Ngày, tháng năm sinh						Quê quán (xã, tỉnh)	Đơn vị dự tuyển						Vị trí dự tuyển
			Nam			Nữ										
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm								
21	Võ Đặng Quý	An	20	10	2002				Tây Hồ, Đà Nẵng	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm	Chuyên viên về quản lý, giám sát bảo hiểm		QLBH02	72.5	72.5	Trúng tuyển
22	Nguyễn Thị Linh	Chi				9	11	2003	Vinh Lộc, Nghệ An	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán	Chuyên viên về quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán		QLKT03	77.5	77.5	Trúng tuyển
23	Trần An	Ngân				22	8	2003	Quang Thiện, Ninh Bình	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán	Chuyên viên về quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán		QLKT11	87.5	87.5	Trúng tuyển
24	Phí Thị Diệu	Linh				10	5	2002	Thạch Xá, Hà Nội	Cục Quản lý giá	Chuyên viên về quản lý giá		QLG02	65	65	Trúng tuyển
25	Hồ Bảo	Ngọc				13	1	2003	Trường Ninh, Quảng Trị	Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước	Chuyên viên về quản lý tài chính doanh nghiệp		DNNN01	60	60	Trúng tuyển
26	Nguyễn Đức	Anh	19	12	2003				Nam Xang, Ninh Bình	Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước	Chuyên viên về quản lý tài chính doanh nghiệp		DNNN08	62.5	62.5	Trúng tuyển
27	Nguyễn Phan Mai	Chi				30	3	2003	Bắc Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh	Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước	Chuyên viên về quản lý tài chính doanh nghiệp		DNNN09	65	65	Trúng tuyển

STT	Họ và đệm	Tên	Thông tin chung						Thông tin đơn vị đăng ký dự tuyển		Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm vấn đáp	Tổng điểm xét tuyển	Trúng tuyển		
			Ngày, tháng năm sinh						Quê quán (xã, tỉnh)	Đơn vị dự tuyển						Vị trí dự tuyển	
			Nam			Nữ											
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm									
28	Phạm Ngọc	Bình	3	9	2001				Yên Khánh, Ninh Bình	Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể	Chuyên viên về quản lý doanh nghiệp		DNTN02	63	63	Trúng tuyển	
29	Đinh Thị Quỳnh	Châu					26	5	2002	Đô Lương, Nghệ An	Cục phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể	Chuyên viên về quản lý doanh nghiệp		DNTN11	73	73	Trúng tuyển
30	Vũ Ngọc	Anh					21	1	2002	Mạo Khê, Quảng Ninh	Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể	Chuyên viên về quản lý doanh nghiệp		DNTN16	69	69	Trúng tuyển
31	Lê Hà	Chi					19	11	2001	Nho Quan, Ninh Bình	Cục Đầu tư nước ngoài	Chuyên viên về quản lý đầu tư		ĐTNN02	71.5	71.5	Trúng tuyển
32	Vũ Ngọc	Diệp					3	12	2003	Kẻ Sặt, Hải Phòng	Cục Đầu tư nước ngoài	Chuyên viên về quản lý đầu tư		ĐTNN06	75	75	Trúng tuyển
33	Trần Thị	Hoà					22	1	2001	Bình Giang, Ninh Bình	Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Chuyên viên về công nghệ thông tin		CNTT01	75	75	Trúng tuyển

STT	Họ và đệm	Tên	Thông tin chung						Thông tin đơn vị đăng ký dự tuyển		Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm vấn đáp	Tổng điểm xét tuyển	Trúng tuyển	
			Ngày, tháng năm sinh						Quê quán (xã, tỉnh)	Đơn vị dự tuyển						Vị trí dự tuyển
			Nam			Nữ										
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm								
34	Vũ Thuỳ	Dương				24	2	2003	Hồng Bàng, Hải Phòng	Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Chuyên viên về công nghệ thông tin		CNTT01	54.5	54.5	Trúng tuyển
35	Phạm Công	Hiệp	2	11	2003				A Sào, Hưng Yên	Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Chuyên viên về công nghệ thông tin		CNTT03	55	55	Trúng tuyển